

Bản án số: 27/2018/HSST
Ngày: 04/4/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Liêu

2. Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đàm - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 04 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 11/2018/HSST ngày 07 tháng 02 năm 2018, đối với các bị cáo:

Họ và tên:

1. Phan Viết H; Sinh năm: 1997, tại tỉnh Thái Nguyên

Nơi cư trú: Khu Đ, Thị trấn Đ, huyện B, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; con ông Phan Viết T, sinh năm 1968 và bà La Thị G, sinh năm 1975; Tiền sự, Tiền án: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/12/2017 cho đến nay. (Có mặt)

2. Nguyễn Thị Mỹ H1 Sinh ngày 05/9/1998, tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

Nơi cư trú: khu T, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh B; số chứng minh nhân dân 285932973; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1966 và bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1972; Tiền sự, Tiền án: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

- Bị hại: Nguyễn Phan Nhã U; Sinh năm: 1999 (Có mặt)

Trú tại: khu T, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Trần Thị Lương D; Sinh năm: 2001 (Vắng mặt)

Trú tại: thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh B.

2/ Lê Văn Hoàng Đ; Sinh năm: 1998 (Có mặt)

Trú tại: khu Đ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh B

3/ Phan Viết C; Sinh năm: 1992 (Có mặt)

Trú tại: Khu Đ, Thị trấn Đ, huyện B, tỉnh B.

4/ Lê Thị Thu H2; Sinh năm: 1972 (Có mặt)

Trú tại: khu T, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh B.

- Người làm chứng:

1/ Dương Văn V; Sinh năm: 1993 (Vắng mặt)

2/ Trần Thị Thanh T; Sinh năm: 1997 (Vắng mặt)

Cùng trú tại: khu Đ, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh B

Người giám hộ cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Lương D: Bà Phạm Thị Kim T; Sinh năm: 1977 (Vắng mặt)

Trú tại: thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do có mâu thuẫn với nhau từ trước nên khoảng 10 giờ ngày 13/6/2016, Trần Thị Lương D gọi điện thoại cho Nguyễn Phan Nhã U hẹn đến Nhà văn hoá thiếu nhi huyện B nói chuyện. Sau đó, D rủ thêm Nguyễn Thị Mỹ H1 (X), và Lê Văn Hoàng Đ đi cùng đến Nhà văn hóa huyện B. Tại đây, nhóm của D gặp U cùng với những người bạn của U gồm: Trần Thị Lệ T, Trần Thị Thanh T, và Trần Ngọc T1. Sau đó, giữa D và U cãi nhau và lao vào đánh nhau. Thấy vậy, T vào can D ra nên H1 đã chửi lại T. Tiếp đó, T và H1 cũng lao vào dùng tay chân đánh nhau nhưng được mọi người ở đó can ngăn nên hai nhóm trên không đánh nhau nữa. Lúc này, có 01 nam thanh niên (chưa rõ nhân thân, lai lịch) là bạn của T nói với H1 là nếu H1 đụng đến chị em của T thì sẽ không bỏ qua. Sau đó, H1 cùng D, Đ đi đến quán Internet gần chợ Đ gặp Phan Viết H (là bạn trai H1).

Khi đến quán Internet, Đ và D ở ngoài còn H1 đi vào gặp H và kể lại sự việc bị nhóm T đánh và đe dọa, H1 nói với H “Anh đi kiếm nhóm T để đánh trả thù cho em”. H đồng ý và đi ra chỗ D và Đ nhờ D điện thoại hỏi nhóm của U đang ở đâu thì D cho biết nhóm U đang ở quán cà phê “Diệu DH” tại khu Đ, thị trấn Đ, huyện B. H hỏi mượn xe mô tô của Đ thì Đ đồng ý và giao xe mô tô biển số 93L1-09xxx cho H chở H1, còn Đ điều khiển xe mô tô (chưa rõ biển số) chở D về hướng nhà của Đ. Trên đường đi, H yêu cầu Đ trả lại cho H cây rựa mà H đã gửi tại nhà Đ trước đó thì Đ đồng ý. Khi đến nhà Đ, đi vào lấy 01 cây rựa dài khoảng 60cm, cán bằng tre dài khoảng 35cm, lưỡi bằng kim loại dài khoảng 25cm ra đưa cho H. H cầm rựa để lên xe rồi điều khiển xe mô tô biển số 93L1-09xxx chở H1 đi đến quán cà phê “DH” tìm nhóm của T, còn Đ điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở D đi sau. Khi đến quán cà phê “DH”, H dựng xe ngoài đường rồi cầm rựa xông đến chỗ nhóm của T đang ngồi. Lúc này, nhóm của T, T1 và T nhìn thấy H cầm rựa xông đến nên bỏ chạy vào trong nhà của chủ quán còn U chưa kịp bỏ chạy thì bị H cầm rựa

bằng tay phải chém 01 nhát trúng vào cẳng tay trái của U gây thương tích. H cầm 01 ly thủy tinh bằng tay trái đập 01 cái trúng vào đầu của U gây thương tích. Lúc này, H1 chạy vào can ngăn không cho H đánh U nữa. Sau đó, H và H1 đưa U đến Bệnh viện đa khoa huyện Bù Đăng cấp cứu. Sau đó, U được đưa đi điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 184/2016/TgT ngày 21/7/2016 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y tỉnh Bình Phước kết luận: Tỷ lệ tổn thương trên cơ thể của Nguyễn Phan Nhã U do thương tích gây nên là 27% (hai mươi bảy phần trăm).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình nêu trên. Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm về tội danh đã truy tố đối với bị cáo.

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô biển số 93L1-09xxx, là tài sản của anh Lê Văn Tấn, sinh năm 1978 trú tại khu Đức Lợi, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước cho con trai Lê Văn Hoài Đ mượn, ngày 23/8/2016 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng đã trả lại cho anh Tấn; 01 cây rựa dài khoảng 60cm, cán bằng tre dài khoảng 35cm, lưỡi bằng kim loại dài khoảng 25cm, H đã vút bổ trên đường. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng đã xác minh nhưng không truy tìm được.

Trách nhiệm dân sự: Gia đình các bị cáo Phan Viết H, Nguyễn Thị Mỹ H1 đã bồi thường cho người bị hại số tiền 70.000.000 đồng. Bị hại Nguyễn Phan Nhã U tiếp tục yêu cầu bồi thường số tiền 67.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến về vật chứng đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố không có ý kiến gì.

Tại bản cáo trạng số: 09/CT – VKS.BĐ ngày 05/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H1 và Phan Viết H về “Tội cố ý gây thương tích” theo Điểm đ Khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, vì vậy đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm “Tội cố ý gây thương tích”; về hình phạt, áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, các điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, 17, 58, 91, 101, 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H1 từ 20 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 134, các điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, 17, 58, 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Phan Viết H từ 24 đến 30 tháng tù; Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và người bị hại. Về án phí buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Các bị cáo Phan Viết H, Nguyễn Thị Mỹ H1 thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, các bị cáo hối hận về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Do có mâu thuẫn với nhau từ trước nên khoảng 10 giờ ngày 13/6/2016, Trần Thị Lương D gọi điện thoại cho Nguyễn Phan Nhã U hẹn đến Nhà văn hoá thiếu nhi huyện Bù Đăng nói chuyện, tại đây thì xảy ra mâu thuẫn giữa nhóm bạn của H1 và nhóm bạn của D, nên Nguyễn Thị Mỹ H1 đã xuống chợ B kể cho Phan Viết H biết sự việc và nói H đi kiếm nhóm của T để đánh trả thù cho H1, H đã chở H1 đi và lấy 01 cây rựa dài khoảng 60cm, cán bằng tre dài khoảng 35cm, lưỡi bằng kim loại dài khoảng 25cm đi đến quán cà phê “DH” tìm nhóm của T. Khi đến quán cà phê “DH”, H dựng xe ngoài đường rồi cầm rựa xông đến chỗ nhóm của T đang ngồi. Lúc này, nhóm của T, T1 và T nhìn thấy H cầm rựa xông đến nên bỏ chạy vào trong nhà của chủ quán còn U chưa kịp bỏ chạy thì bị H cầm rựa bằng tay phải chém 01 nhát trúng vào cẳng tay trái của U gây thương tích. H cầm 01 ly thủy tinh bằng tay trái đập 01 cái trúng vào đầu của U gây thương tích. Hậu quả tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Phan Nhã U do thương tích gây nên hiện tại là 27%.

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H1 và Phan Viết H đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích”, quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

.....

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

Như vậy, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương. Các bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác, đây là quyền nhân thân được nhà nước và pháp luật bảo vệ. Hậu quả do các bị cáo đã gây ra làm cho bị hại bị tổn hại sức khỏe, gây khó khăn trong cuộc sống sinh hoạt cho người bị hại.

Xét toàn bộ vụ án, tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy chỉ vì mâu thuẫn nhỏ bởi những lời qua tiếng lại nhưng các bị cáo đã sử dụng bạo lực, dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho người bị hại nên cần xử các bị cáo với mức án tương xứng để răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về nhân thân của các bị cáo và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm b, s Khoản 1 Điều 51 Bộ Luật Hình sự 2015; Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H1 tại thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Sau khi gây án các bị cáo đã đưa người bị hại đi cấp cứu, các bị cáo phạm tội lần đầu, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, người bị hại làm đơn bãi nại và tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ Luật Hình sự 2015.

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo và tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại chị Nguyễn Phan Nhã U yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm 67.000.000đ ngoài số tiền 70.000.000đ đã nhận. Các bị cáo Phan Viết H và Nguyễn Thị Mỹ H1 đồng ý bồi thường cho người bị hại. Việc thỏa thuận trách nhiệm bồi thường giữa các bị cáo và bị hại là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Do vậy, cần buộc các bị cáo Phan Viết H và Nguyễn Thị Mỹ H1, mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền còn lại là 33.500.000đ cho người bị hại chị Nguyễn Phan Nhã U.

[7] Về vật chứng vụ án: 01 xe mô tô biển số 93L1- 0xxxxx, là tài sản của anh Lê Văn Tấn, ngày 23/8/2016 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng đã trả lại cho anh Tấn; 01 cây rựa dài khoảng 60cm, cán bằng tre dài khoảng 35cm, lưỡi bằng kim loại dài khoảng 25cm, H đã vứt bỏ trên đường.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng đã xác minh nhưng không truy tìm được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H1 (X) và Phan Viết H phạm “Tội cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, các điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, 17, 58, 91, 101, 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H1 (X) 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của luật Thi hành án hình sự.

- Áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 134, các điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, 17, 58, 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phan Viết H 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/12/2017.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc các bị cáo Phan Viết H và Nguyễn Thị Mỹ H1, mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 33.500.000đ cho người bị hại chị Nguyễn Phan Nhã U.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H1 (X) và bị cáo Phan Viết H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.675.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương, nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thành Long